

Chuyên mục: Bảo tồn và phát triển các dân tộc thiểu số Việt Nam

**BƯỚC ĐẦU TÌM HIỂU VĂN HÓA NGƯỜI KHMER Ở XÃ AN BÌNH,
HUYỆN PHÚ GIÁO**

ĐỖ THANH¹

Theo số liệu cuộc “Tổng kiểm kê di sản văn hóa các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bình Dương” năm 2012 của Bảo tàng Bình Dương, trên toàn tỉnh hiện có 887 hộ người Khmer. Đây là dân tộc có số dân đông nhất trong 18 dân tộc ít người đang cư trú trên địa bàn toàn tỉnh. Người Khmer tới Bình Dương từ nhiều vùng, trong nhiều thời điểm và với nhiều nguyên nhân khác nhau nhưng có thể chia thành hai nhóm. Một là nhóm Khmer từ các tỉnh miền Tây lên, từ Campuchia sang, gọi là Khmer Krôm - Khmer thấp - có nét văn hóa khá tương đồng nhau. Thứ hai là nhóm Khmer Lơ – Khmer cao là nhóm Khmer sống tập trung ở xã An Bình, huyện Phú Giáo. Với nhóm Khmer An Bình, họ di cư một loạt tới Bình Dương từ xã Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước vào năm 1960 do chính sách di cư của Mỹ, Ngụy. Ngay từ thời điểm di cư cho tới bây giờ họ đã sống tập trung thành từng làng ở hai ấp Nước Vàng và Tân Thịnh. Với điều kiện di dân thuận lợi cùng lối sống tập trung, đáng lẽ nhiều nét văn hóa truyền thống phải được gìn giữ, thực hành nhưng trên thực tế, văn hóa của họ bị mai một nhanh chóng và hầu như chỉ còn nằm trong ký ức.

1. Văn hóa Ẩm thực

Món ăn truyền thống mà hiện nay người Khmer An Bình vẫn còn sử dụng đó là món Canh Bôi, muối sả cà ung. Canh Bôi là loại canh khá cân bằng dinh dưỡng với nhiều loại rau, bột gạo và cả chất đạm từ cá khô. Bà con sử dụng thường xuyên trong ngày thường và cả trong những dịp lễ tết. Cách chế biến khá đơn giản nhưng mất thời gian: lá nhàu (khô hoặc tươi đều được) xé nhỏ, chỉ tước lấy phần lá, phần xương lá, cuống lá bỏ lại đem giã chung với gạo đã ngâm nửa ngày cho tới lúc thật to, nhuyễn sẽ được một hỗn hợp bột gạo màu xanh (với lá nhàu tươi) hoặc màu đen (với lá nhàu khô). Cho một ít nước vào hỗn hợp trên cho khỏi vón cục rồi đổ hỗn hợp vào nồi canh gồm nhiều loại rau hái trong vườn như rau mướp, rau nhíp... nấu với cá khô thành món canh sệt sệt.

¹ Phòng Di sản Văn hóa Phi vật thể, Bảo tàng tỉnh Bình Dương.

Muối sả cà ung là món ăn tiện dụng, dễ mang theo để ăn kèm với cơm khi đồng bào canh tác trong nương, trong rẫy. Lấy loại cà ung (cà nhỏ trái) trộn chung với sả, cho thêm muối, đâm nhuyễn, ăn chung với cơm nóng rất ngon.

Trước đây, cả nam lẫn nữ người Khmer An Bình đều hút thuốc lá (thuốc rê – loại thuốc cuốn bằng lá), uống rượu cần. Cách làm rượu cần: lấy vỏ cây cầy (cho rượu vị chát) hoặc cây pờ bró (cho vị thơm, ngọt), phơi khô, giã nhuyễn, trộn với cơm, men rồi cho vào hũ, đập sơ. Ba ngày sau thì lấy đất trét miệng cho thật kín, để trong chỗ mát, khoảng 3 tháng sau có thể uống được. Rượu để càng lâu sẽ càng ngon. Trong làng hiện có ông Kim Tiên (8 Tiên) và con ông là Kim Lượng biết cách làm rượu cần nhưng ông số lượng làm ra rất hạn chế, chỉ phục vụ cho nhu cầu của gia đình vì vỏ cây kiếm càng ngày càng khó.

2. Văn hóa tín ngưỡng

Người Khmer An Bình quan niệm ở mỗi khu vực đều có vị thần bảo hộ riêng: thần bảo hộ gia đình, thần bảo hộ ruộng vườn và thần bảo hộ nương rẫy. Khi trong gia đình có người ốm hoặc có chuyện không hay xảy ra, một vài người mời bà bóng về cúng ma để chữa bệnh và xua đuổi điềm xui rủi. Người Khmer An Bình cũng quan niệm có cô hồn các đảng, những linh hồn vất vưởng không được ai quan tâm, hương khói. Người Khmer An Bình chỉ cúng cô hồn trong những dịp cúng ma hoặc khi gia đình có chuyện không may. Lễ vật cúng cô hồn gồm 3 nắm cơm, 3 nắm than, nhỏ bằng ngón tay cái cùng trầu, cau, trái cây, nhang đèn, nước lã. Sau khi cúng thì vãi lễ ra đường. Người Khmer thờ ông bà tổ tiên – những người đã sinh ra mình. Trước đây họ không làm giỗ theo ngày mất nhưng hiện nay họ làm đám giỗ vào ngày mất hàng năm như người Kinh. Ngoài ra họ cũng thờ Táo quân dưới bếp, cúng vào ngày rằm, mùng 1, một số gia đình buôn bán còn thờ Thần Tài, Ông Địa trong nhà. Đặc biệt, có một bộ phận khá lớn người Khmer An Bình tham gia cúng miếu Bà Chúa Xứ theo người Kinh.

3. Các lễ/tết trong năm:

Theo truyền thống, là cư dân nông nghiệp, lại là tín đồ Phật giáo, người Khmer có rất nhiều lễ tết trong năm. Đó là Sel Dolt – tết ông bà (từ 15 – 30/8), lễ hội Ook – om – bok - lễ cúng trăng (15/10), lễ Phật Đản (15/4), lễ Nhập hạ (từ 15/6), lễ đón năm mới Chol – chnam – thmay vào tháng 3 lịch của người Khmer (13/4 dương lịch)...Nhưng những lễ này hiện Bình Dương không có, những người Khmer ở Bình Dương cũng chỉ một vài người nhớ được

những lễ hội lớn, có ý nghĩa trong cộng đồng như Tết Dolta, Tết Chol chnam thamay mà họ gọi gọn là Tết tháng 3, tết tháng 8. Với người Khmer An Bình, trước đây, lễ lớn nhất trong năm của họ Tết Dolta (Dolta – ông bà) – Tết ông bà. Ngoài ra họ còn có lễ cúng rầy tại rầy vào dịp đầu năm và lễ cơm mới cúng vào dịp cuối năm sau khi thu hoạch xong.

- **Tết Dolta:** diễn ra trong 3 ngày 3 đêm từ 15/8 – 17/8. Đây là tết lớn nhất, là ngày hội duy nhất trong năm của người Khmer An Bình trước đây. Tết Dolta nghĩa là Tết ông bà, là tết nhằm tưởng nhớ công ơn cha mẹ, họ hàng, cầu phước cho linh hồn những người thân đã khuất và tri ân ông bà, tổ tiên. Bắt nguồn từ xa xưa, đồng bào Khmer cho rằng ngoài thế giới hiện hữu còn có thế giới linh hồn, con người chỉ chết đi về thể xác, còn linh hồn thì vẫn tồn tại ở cõi vĩnh hằng. Xuất phát từ đó, hình thức cúng là một lễ thức không thể thiếu trong đời sống tâm linh của đồng bào với mục đích là để vừa bày tỏ lòng biết ơn, vừa cầu mong đạt được những điều tốt lành, phước đức của người đang sống đối với người đã chết. Trước đây, người Khmer không cúng giỗ người đã khuất, vì vậy tết Dolta là dịp để con cháu tưởng nhớ đến ông bà, tổ tiên và đây cũng là ngày hội của làng. Với người Khmer Krom, tết Dolta chủ yếu diễn ra trong khuôn viên ngôi chùa thì với người Khmer An Bình, do không có chùa nên diễn ra tại gia đình. Trong những ngày này gia đình nào cũng chuẩn bị rất nhiều bánh trái. Người có vai trò quan trọng nhất trong tết Dolta là ông chủ làng. Ông chủ làng tới từng gia đình, van vái mời ông bà của gia đình về dự lễ của con cháu. Mâm lễ mời ông bà gồm 2 bông hoa được cắm bằng lá cây cơm nguội hoặc lá mít, cắm giáp vòng thành 3 tầng, hình dáng tựa như tháp cùng 1 con gà, cơm, rượu, trầu, cau. Sau khi uống với chủ nhà một chút rượu, ông chủ làng lại sang nhà khác, cứ như thế cho đến hết làng. Sau 3 ngày lại chính ông chủ làng đứng lễ tiễn ông bà đi. Trong ba ngày đó, bà con trong làng chỉ ăn tiệc, uống rượu, ca hát, nhảy múa, đi thăm hỏi nhau chứ không làm gì. Đội công chiêng của làng gồm 5 người: ông Kim Thật (người giữ công chiêng/thanh la), ông Kim Tiên, cùng 3 người khác trong đội được từng nhà mời vào đánh những bài chúc ông bà, chúc năm mới, chúc sức khỏe... cho gia đình. Đây cũng là dịp để trai gái hẹn hò, tìm hiểu nhau qua lời ca, tiếng hát, qua điệu múa năm thôn bên ánh lửa bập bùng.

4. Nghi lễ vòng đời

- *Tục lệ trong mang thai và sinh đẻ:* Người Khmer An Bình còn giữ được tập tục cúng cữ/cúng mụ: cúng 3 ngày sau khi đứa trẻ ra đời. Người phụ nữ Khmer khi mang

thai có những kiêng cử nhất định: khi ăn phải ngồi một chỗ, không được ngó đám ma, không tự hái chuối trên cây để ăn mà phải ăn khi đã hái, phạm phải một trong những kiêng kỵ trên, đứa trẻ khi sinh ra sẽ bị khóc dạ đề (3 tháng 10 ngày). Phụ nữ mang thai cũng không được bước qua dây cột trâu, nếu không bị chữa trâu (12 tháng mới sinh), ăn xong phải rửa chén ngay, không được ngâm trong nước, nếu không con sau này sẽ bị lở loét. Cúng mụ là nghi lễ trình với ông bà tổ tiên thành viên mới trong gia đình và cũng là để trả ơn bà mụ đã đỡ cho được mẹ tròn, con vuông. Lễ vật trong lễ cúng mụ gồm: 4 chén cơm, 1 chén canh, 1 chén nước mắm, 4 đôi dừa, 1 con gà luộc, 1 chai rượu, 1 chiếc ly uống rượu; một chiếc đĩa phủ khăn trắng, trên đó đặt gạo, trầu, cau và một sợi chỉ màu trắng, sau khi làm lễ xong sẽ cột sợi chỉ đó vào cổ tay của hai mẹ con để cầu mong hai mẹ con được mạnh khỏe. Sau khi cúng xong, một nửa lễ vật sẽ được mang biếu cho bà mụ.

Trước đây, người Khmer An Bình sinh con ngoài chòi, sau khi cúng mụ mới được vào nhà. Mỗi lần sinh sẽ là một lần dựng chòi, nhau, rốn của đứa trẻ sẽ được chôn dưới gốc cây chuối hột vì họ tin rằng làm như vậy đứa trẻ sẽ được mát mẻ, khỏe mạnh.

- *Tục lệ cưới xin*: Đám cưới gồm các bước: Bà mối chạm ngõ, lễ dạm ngõ, những lễ này nhà trai phải mang sang nhà gái. Sau đó là lễ cưới được tổ chức bên nhà gái, nhà gái chịu mọi phí tổn cho lễ cưới. với người Khmer Lơ/Khmer An Bình, người chủ làng sẽ đứng ra điều hành lễ cưới. Lễ vật bắt buộc mà chàng trai phải mang sang nhà gái là chiếc nồi đồng nấu được chừng 2 lon gạo, nồi đồng này cha mẹ vợ sẽ sử dụng. Đám cưới của người Khmer An Bình chỉ diễn ra vào hai tháng 11 và tháng 12 âm lịch và có sự tham dự của cả làng. Trước ngày cưới, cha và mẹ cô dâu chú rể sẽ đi mời mọi người trong làng bằng rượu, ai đã uống rượu mời đều phải đi. Khi tới đám cưới, khách cột một sợi chỉ trắng lên cổ tay cô dâu chú rể, rắc một ít gạo lên đầu hai người rồi hú lên một tiếng.

Sau khi cưới, chàng trai sẽ cư trú bên nhà vợ, thời gian ở rể lâu hay mau tùy thuộc vào điều kiện kinh tế của hai vợ chồng trẻ nhưng thường là 3 năm sau ngày cưới.

- *Tục lệ tang ma*: ở Bình Dương, người Khmer đều thổ tang, khi không có điều kiện đất đai chôn cất họ mới hỏa táng. Với những người Khmer cư trú riêng lẻ, xen lẫn với người Kinh, phong tục tang ma cũng như người Kinh, ở người Khmer An Bình có một số điểm khác biệt. Khi trong gia đình có người mất, người thân trong gia đình lấy hai con dao cùn hoặc sứt (dao bỏ đi) gõ vào nhau liên hồi để báo hiệu cho người làng biết. Tki là người đứng

ra tổ chức, lo liệu mọi việc trong đám tang thay cho chủ nhà. Ông hướng dẫn người chặt tre, đóng quan tài, hướng dẫn người lấy rượu rửa xác chết, bó xác chết đưa vào quan tài.

Người Khmer An Bình có tục chia của cho người chết, đồ dùng vật dụng trong gia đình, trừ đồ sắt đều cho vào trong quan tài để chôn theo người chết. Qua ngày thứ 3 sẽ đưa người chết đi chôn cất. Nơi chôn người chết, người nhà phải biện lễ xin thần cai quản khu vực đó xem có đồng ý hay không rồi mới được chôn. Lễ vật gồm gà, xôi, trầu, cau, rượu và một quả trứng gà sống, sau khi khấn vái, trình bày lý do, người khấn ném quả trứng gà sống qua đầu, nếu trứng bể nghĩa là thần đất nơi đó đồng ý, có thể chôn; nếu trứng không bể nghĩa là thần không đồng ý, phải đi xin nơi khác.

Trước đây, cộng đồng trong làng sẽ khiêng quan tài, đưa người quá cố về với đất. Con cháu của người chết nằm dài dưới đất, người nằm ngang cắt người nằm dọc làm thành chiếc cầu tiễn đưa người thân và những người khiêng quan tài sẽ bước qua “chiếc cầu” con cháu đó. Ngày nay tuy đã có xe đưa tang nhưng tập tục bắc cầu vẫn còn và cầu người đó bắc từ nhà người mất tới xe nhà táng.

Sau khi chôn xong, ông Tki bắn một mũi tên lên không trung, nếu mũi tên bay đi thật xa, mạnh mẽ nghĩa là linh hồn người chết thanh thản, siêu thoát, không vướng bận và không quấy quả con cháu; ngược lại, nếu mũi tên không bay lên được hoặc rơi gần thì phải làm lễ để linh hồn người chết được siêu thoát. Trước đây, người Khmer An Bình quan niệm chết là hết, chôn cất là xong nên họ không có các lễ sau khi chôn cất như lễ mở cửa mả, các lễ cúng 49, 100 ngày như người Kinh. Người chết cũng không cúng giỗ hàng năm vào ngày mất mà được tưởng nhớ, được cúng chung trong ngày tết Dolta diễn ra vào 3 ngày từ 15/8 – 17/8 hàng năm.

Ngày nay, tập quán tang ma của người Khmer An Bình phần lớn theo tập quán của người Kinh, chỉ còn lại một số nét riêng như con cháu bắc cầu người đưa quan tài và tục chia của cho người chết.

5. Văn hóa, nghệ thuật

- *Ca hát*: Với người Khmer An Bình, đời sống âm nhạc của họ khá nghèo nàn. Hiện nay, trong cả cộng đồng chỉ còn lại một vài người biết những bài hát tiếng Khmer và do không có chữ viết dẫn đến sự phổ biến rất hạn hẹp và sự sai lệch trong quá trình tồn tại, chuyển tiếp. Những bài hát mà người Khmer An Bình còn nhớ thường là những bài hát về

sự giao lưu, gặp gỡ của các đôi trai gái và điểm đặc biệt là mỗi một bài hát đều có một điệu múa đi kèm diễn tả nội dung của bài hát đó. Những bài hát, điệu múa này trước đây thường được sử dụng, biểu diễn trong dịp trai gái giao lưu, tìm hiểu nhau, thường vào những dịp lễ tết khi họ đốt lửa, hát, múa với nhau thâu đêm suốt sáng.

- *Nhạc cụ*: Cộng đồng người Khmer An Bình lưu giữ một bộ cồng chiêng/thanh la gồm 5 chiếc. Bộ cồng chiêng/thanh la này được bố ông Kim Thật trao đổi dần dần với người Stiêng, mỗi lần trao đổi một chiếc và giá là một trâu đổi được một chiếc chiêng/thanh la. Hiện nay bộ chiêng/thanh la này được bảo lưu tại nhà ông Kim Thật. Bộ chiêng gồm 5 chiếc, lớn, nhỏ, dày mỏng khác nhau, phẳng chứ không có núm. Khi đánh, người đánh dùng một tay đỡ phía sau, một tay đánh phía trước. Chính bàn tay nắm lại hoặc xòe ra phía sau điều khiển, tạo ra âm thanh khác nhau của chiếc chiêng. Đội đánh chiêng gồm 5 người nhưng hiện nay cả năm người sức khỏe đều yếu, không có không gian thực hành, thêm nữa, thế hệ trẻ không ai muốn học nên di sản văn hóa cồng chiêng của người Khmer An Bình sẽ bị mất trong nay mai...

S T T	Tên gọi các loại hình	Truyền thống	Hiện tại
1	Làng	Hoàn toàn là người Khmer, rất ít người Kinh, Hoa	Có nhiều gia đình người Kinh, Hoa hơn
2	Nhà ở	Nhà sàn, nhà đắp đất, mái lá	Nhà trệt, mái tole
3	Chùa	Không có	Không có
4	Kinh tế	Trồng lúa, hoa màu, săn bắn, du canh du cư, cuộc sống bấp bênh	Trồng cao su, tiêu, điều. Cuộc sống khá hơn.
5	Món ăn, thức uống, đồ hút	- Ăn các món ăn do đánh bắt, trồng cây được.	- Ăn các món ăn giống như người Kinh.

		- Uống rượu cần. - Hút thuốc rê.	- Uống rượu gạo như người Kinh. - Hút thuốc lá.
6	Trang phục	Xà rồng, mặc áo. Đàn ông búi tóc	Mặc như người Kinh
7	Mang thai, sinh đẻ	- Khi mang thai phải kiêng nhiều thứ; - Sinh ngoài chòi; - Treo cành cây trước nhà để báo hiệu nhà có kiêng cử sinh đẻ; - Phụ nữ sinh ở nhà, có bà mụ tới đỡ - sau 3 ngày có lễ cúng mụ	- Khi mang thai ăn uống bình thường; - Sinh ngoài trạm y tế, bệnh viện và có sự chăm sóc của nhân viên y tế - Không có lễ cúng mụ nữa.
8	Hôn nhân	- Nữ cưới nam, sau khi cưới chàng trai ở nhà cô gái - Có tục cột chỉ tay, rắc hoa lên đầu cô dâu chú rể	- Nam cưới nữ, sau khi cưới xong cô gái ở nhà chàng trai - Hôn lễ tổ chức giống hệt người Kinh
9	Tang ma	- Gõ 2 dao cùn vào nhau báo hiệu nhà có tang - Mọi việc đều do thầy cúng lo liệu - Có tục “xin đất” trước khi đặt quan tài xuống chôn - Chết là hết, không có nghi lễ sau chết. Hàng năm tưởng	- Vẫn có sự tham dự của thầy cúng nhưng vai trò mờ nhạt. - Dịch vụ tang lễ lo đầy đủ. - Các lễ cúng sau khi chết giống người Kinh. - Giỗ theo ngày mất

		nhớ ông bà tổ tiên vào ngày tết Dolta-tết ông bà, không giỗ theo ngày mất.	
10	Lễ hội	Tết Dolta – tết ông bà diễn ra trong tháng 8	Hiện nay không còn
11	Tôn giáo, tín ngưỡng	- Phật giáo tiểu thừa - Các vị phúc thần của cộng đồng	- Không theo đạo Phật, một số hộ theo đạo Thiên Chúa - Tín ngưỡng theo các vị thần của người Kinh.
12	Ngôn ngữ	- Tiếng Khmer thuần chủng - Tất cả mọi người đều biết nói tiếng Khmer. - Không biết chữ Khmer và chữ quốc ngữ	- Trong tiếng Khmer có pha nhiều tiếng Việt. - Trẻ con chỉ nói được 70% tiếng Khmer - Lớp trẻ được cho đi học, biết chữ quốc ngữ.
13	Các loại hình văn hóa, nghệ thuật	- Đánh cồng chiêng - Múa năm vòng - Hát	- Bộ cồng chiêng còn nhưng không ai biết chơi - Không có những dịp giao lưu để biểu diễn các điệu múa, câu hát.
14	Kết cấu gia đình	Gia đình lớn, đông con	Gia đình nhỏ
15	Luật tục	Không có, già làng đứng ra giải quyết các mâu thuẫn	Nhờ sự can thiệp của chính quyền

Bảng so sánh văn hóa, phong tục tập quán của người Khmer An Bình trước kia và ngày nay

Với người Khmer An Bình, họ có một điều kiện rất thuận lợi là có nét tương đồng trong kinh tế, văn hóa và sống tập trung. Nhưng do không tổ chức được bộ máy để bảo lưu, thực hành, truyền dạy những đặc trưng văn hóa cho cộng đồng nên văn hóa truyền thống của họ cũng dần dần phai nhạt dần, đắp lên đó là văn hóa, phong tục tập quán của người Kinh. Trong thời gian tới, việc tuyên truyền, giáo dục người dân và việc xây dựng những thiết chế văn hóa – xã hội vật chất như nhà làng, chùa là những công việc hết sức cấp bách, cần thiết để người Khmer An Bình có thể tự hào giữ gìn, thực hành những hoạt văn hóa truyền thống, góp phần làm đa dạng bức tranh văn hóa tộc người Việt Nam nói chung, tỉnh Bình Dương nói riêng.

Đ.T

Tư liệu điền dã cá nhân.